TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/DS-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Vui;

2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Hồ Chí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q; địa chỉ trụ sở: Toà nhà SallingTower 111 A Pasteur, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh H, anh Nguyễn Hữu D, chị Nông Thị Bích T, anh Nguyễn Văn Đ; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q - Là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn theo giấy uỷ quyền đề ngày 11-10-2024; chị H, anh D, anh Đ vắng mặt, chị T có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 6 ấp N1, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23-10-2023 Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có cho chị Nguyễn Thị Kim N vay số tiền 2.750.000.000 đồng và thoả thuận lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 26-10-2023, mục đích vay tiền là để bù tiền mua đất, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm, hết thời hạn 12 tháng thì lãi suất sẽ được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho chị N xong.

Đồng thời, ngày 30-10-2023 chị N có ký bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng và được Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng. Cụ thể: số thẻ 000000000934921, loại thẻ tín dụng VIB Rewards Unlimited, hạn mức thẻ 100.000.000 đồng. Số thẻ 000000000934920, loại thẻ tín dụng VIB Cash Back, hạn mức thẻ: 100.000.000 đồng. Lãi suất và phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Đối với thẻ tín dụng số 000000000934921, chị N đã sử dụng số tiền gốc là 98.092.681 đồng. Đối với thẻ tín dụng số 000000000934920, chị N đã sử dụng số tiền gốc là 89.886.392 đồng.

Khi vay tiền, chị N có thế chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 268,6m^2 thuộc thửa đất số 76 tờ bản đồ 13 toạ lạc tại Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để đảm bảo cho khoản vay trên theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 25-10-2023.

Đến tháng 3/2024, chị N không thanh toán lãi và thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền đã vay tạm tính đến ngày 03-4-2025 là 3.381.268.852 đồng; trong đó, tiền gốc là 2.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 306.691.332 đồng, nợ lãi quá hạn 14.332.630 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 000000000934921 là 98.092.681 đồng, nợ lãi quá hạn 37.316.900 đồng, phí 25.379.000 đồng; nợ gốc thẻ tín dụng 000000000934920 là 89.886.392 đồng, nợ lãi quá hạn 35.021.917 đồng, phí 24.548.000 đồng cùng tiền lãi, lãi quá hạn và phí theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp chị N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng bao gồm toàn bộ tài sản trên phần đất thuộc thửa đất số 76 tờ bản đồ 13 toạ lạc tại Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 716237 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-11-2022 cho chị Nguyễn Thị Kim N.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 05-3-2025 – bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

Ngày 23-10-2023 chị có vay của Ngân hàng số tiền 2.750.000.000 đồng và thoả thuận lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng tín ngày 26-10-2023, mục đích vay tiền là để bù tiền mua đất, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm, hết thời hạn 12 tháng thì lãi suất sẽ được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết. Chị đã nhận đủ số tiền vay từ Ngân hàng.

Đồng thời, ngày 30-10-2023 chị có ký bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng và được Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng. Cụ thể: số thẻ 000000000934921, loại thẻ tín dụng VIB Rewards Unlimited; Hạn mức thẻ : 100.000.000 đồng. Số thẻ 000000000934920, loại thẻ tín dụng VIB Cash Back; Hạn mức thẻ : 100.000.000 đồng. Lãi suất và phí theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khi vay tiền, chị có thế chấp quyền sử dụng phần đất diện tích 268,6m^2 thuộc thửa đất số 76 tờ bản đồ 13 toạ lạc tại Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh để đảm bảo cho khoản vay trên.

Đến năm 2024, do tình hình kinh doanh khó khăn nên chị không có khả năng đóng lãi và thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Nay, chị đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày 11-10-2024 là 3.137.929.897 đồng cùng tiền lãi, lãi quá hạn và phí theo các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Nếu chị không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – chị Nông Thị Bích Thu trình bày: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N trả cho Ngân hàng số tiền đã vay tạm tính đến ngày 27-5-2025, cụ thể :

+ Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 26-10-2023 là 3.132.616.215 đồng, trong đó nợ gốc là 2.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 362.140.650 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.475.565 đồng.

+ Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng 000000000934921 là 171.424.041 đồng, trong đó nợ gốc là 98.092.681 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.792.360 đồng, phí là 29.539.000 đồng.

+ Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng 000000000934920 là 159.550.043 đồng, trong đó nợ gốc là 89.886.392 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.955.651 đồng, phí là 28.708.000 đồng.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với chị N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Buộc chị N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 2.937.979.073 đồng và tiền lãi, phí theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp chị N không trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay.

+ Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N trả tiền vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký. Chị N có địa chỉ tại ấp H, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Tại phiên toà, bị đơn chị Nguyễn Thị Kim N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với Hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng ngày 26-10-2023,

Ngày 23-10-2023 Ngân hàng có cho chị Nguyễn Thị Kim N vay số tiền 2.750.000.000 đồng và thoả thuận lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng tín ngày 26-10-2023, mục

đích vay tiền là để bù tiền mua đất, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 10,5%/năm, hết thời hạn 12 tháng thì lãi suất sẽ được điều chỉnh theo hợp đồng tín dụng và phụ lục hợp đồng tín dụng đã ký kết. Ngân hàng đã giải ngân khoản vay cho chị N xong.

Như vậy, hợp đồng trên được ký kết trên cơ sở thỏa thuận tự nguyện của các bên, không bị lừa dối, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Nội dung, hình thức của hợp đồng được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến tháng 3/2024 chị N vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nợ gốc và lãi phát sinh. Việc chị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng khi đến hạn đã vi phạm quy định của Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Quá trình giải quyết vụ án, chị N cũng đồng ý thanh toán cho Ngân hàng khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N trả tiền gốc và cá khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng trên là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ký bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng thì thấy rằng,

Căn cứ theo bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng của chị Nguyễn Thị Kim N thì Ngân hàng đã cấp cho chị Ngân 02 thẻ tín dụng. Cụ thể : số thẻ 000000000934921, loại thẻ tín dụng VIB Rewards Unlimited; Hạn mức thẻ : 100.000.000 đồng. Số thẻ 000000000934920, loại thẻ tín dụng VIB Cash Back; Hạn mức thẻ : 100.000.000 đồng.

Quá trình sử dụng thẻ chị N đã thực hiện các giao dịch và thanh toán hàng tháng, số tiền nợ gốc tính đến thời điểm thu hồi nợ là: đối với khoản vay theo thẻ tín dụng 000000000934921 là 98.092.681 đồng; đối với khoản vay theo thẻ tín dụng 000000000934920 là 159.550.043 đồng.

Việc chị N không thanh toán dư nợ thẻ tín dụng hàng tháng cho Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận đã ký, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền nợ gốc là có căn cứ. Theo đơn đề nghị phát hành thẻ thể hiện chị N đã ký xác nhận đã đọc, hiểu rõ và chấp thuận toàn bộ nội dung của điều kiện sử dụng thẻ tín dụng, biểu phí được công bố trên website của Ngân hàng. Tại bản biểu phí của Ngân hàng cũng nêu rõ từng loại phí và biểu phí dịch vụ thẻ được công bố tại website chính thức của Ngân hàng theo đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án chị N cũng thừa nhận đã được Ngân hàng cấp 02 thẻ tín dụng như trên và cũng đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vay, lãi và phí theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu chị N trả tiền theo các thẻ tín dụng.

[2.3] Về hợp đồng thế chấp:

Căn cứ theo hợp đồng thế chấp số 1204343.23 ngày 25-10-2023 để đảm bảo cho khoản vay theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì chị N có thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với phần đất diện tích 268,6m^2 thuộc thửa đất số 76 tờ bản đồ 13 toạ lạc tại Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Việc thế chấp đã tiến hành đăng ký thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hợp pháp. Do đó, trường hợp chị N không trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ theo quy định tại Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc chị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 27-5-2025, cụ thể như sau:

+ Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 26-10-2023 là 3.132.616.215 đồng, trong đó nợ gốc là 2.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 362.140.650 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.475.565 đồng.

+ Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng 0000000000934921 là 171.424.041 đồng, trong đó nợ gốc là 98.092.681 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.792.360 đồng, phí là 29.539.000 đồng.

+ Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng 0000000000934920 là 159.550.043 đồng, trong đó nợ gốc là 89.886.392 đồng, nợ lãi quá hạn là 40.955.651 đồng, phí là 28.708.000 đồng.

Trong trường hợp chị N không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của chị N theo Hợp đồng thế chấp số số 1204343.23 ngày 25-10-2023 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.900.000 đồng. Căn cứ Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N có trách nhiệm chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng và Toà án đã chi xong nên chị N phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 1.900.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Ngân hàng không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị N phải chịu 101.271.805 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đối với chị Nguyễn Thị Kim N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc chị Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền đã vay theo Hợp đồng tín dụng số 1501565.23 ngày 23-10-2023 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 26-10-2023 là 3.132.616.215 (ba tỷ một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm mười lăm) đồng, trong đó nợ gốc là 2.750.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 362.140.650 đồng, nợ lãi quá hạn là 20.475.565 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền đã vay theo bản đề nghị phát hành thẻ tín dụng ngày 23-10-2023 tạm tính đến ngày 27-5-2025 là 330.974.084 (ba trăm ba mươi triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm tám mươi bốn) đồng, trong đó nợ gốc là 187.979.073 đồng, nợ lãi quá hạn là 84.748.011 đồng, phí là 58.247.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, chị N còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp chị N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của chị N theo Hợp đồng thế chấp số 1204343.23 ngày 25-10-2023 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên phần đất thuộc thửa đất số 76 tờ bản đồ 13 toạ lạc tại Khu phố 2, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 716237 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-11-2022 cho chị Nguyễn Thị Kim N.

2. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 1.900.000 (một triệu chín trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 47.379.500 (bốn mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008443 ngày 07-01-2025 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu.

Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 101.271.805 (một trăm lẻ một triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn tám trăm lẻ năm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THADS Huyện DMC;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.